

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẾN LỨC  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-4-2022

“V/v Ly hôn giữa chị B và anh  
T”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Thị Luynh Thuy

2. Bà Đặng Thị Bích Loan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thúy Hồng –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1996

Địa chỉ: Số 157 H, khu phố 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 157 H, khu phố 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B trình bày tóm tắt như sau:*

Về hôn nhân: Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 2014 chị và anh Nguyễn Xuân T đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ

cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/10/2014. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống tại số 157, đường H, khu phố 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T nhiều lần đe dọa giết chị làm chị bị ảnh hưởng tâm lý rất nặng nề. Chị và anh T đã không còn chung sống từ năm 2019 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, chị và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Xuân T, sinh ngày 05/02/2015 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 12/9/2017. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T, đồng ý để anh T được trực tiếp nuôi cháu Xuân T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống, chị và anh T không có nợ chung.

*Tại bản tự khai ghi ngày 11/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày tóm tắt như sau:*

Về hôn nhân: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị B về thời gian và điều kiện kết hôn. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh không có gì trầm trọng, chủ yếu vì anh quá thương vợ nên hay ghen tuông, chỉ một vài lần nóng giận anh không kiềm chế được nên có những hành động như cầm dao đe dọa giết chị B nhưng khi anh làm vậy chỉ nhằm dọa cho chị B sợ mà quay lại với anh, anh nghĩ mâu thuẫn vợ chồng không quá lớn, anh vẫn còn thương chị B, muốn vợ chồng đoàn tụ để lo cho con cái nên anh không đồng ý ly hôn với chị B.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, chị và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Xuân T, sinh ngày 05/02/2015 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 12/9/2017. Vì hiện tại cháu T đang sống cùng chị B, cháu Xuân T thì đang sống với anh nên trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B thì anh đồng ý để chị B trực tiếp nuôi cháu T, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Xuân T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống, anh và chị B không có nợ chung.

Tòa án đã tổ chức hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những

người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc B yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Xuân T. Xét chị B và anh T cùng thừa nhận đã không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay, anh T yêu cầu được đoàn tụ nhưng không được chị B đồng ý, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B. Về con chung: Anh T trình bày trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B thì anh T đồng ý để chị B trực tiếp nuôi cháu T, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Xuân T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Tòa án căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao cháu T cho chị B nuôi dưỡng, giao cháu Xuân T cho anh T nuôi dưỡng. Không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về chia tài sản, nợ chung: Các bên xác định không tranh chấp về tài sản chung và không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Xuân T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Xuân T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt; Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T, chị B.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[4] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Nguyễn Xuân T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/10/2014 (Giấy đăng ký số 174/2014, quyển số 01/2014) nên quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[5] Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc B xin ly hôn với anh Nguyễn Xuân T, thấy rằng: Chị B trình bày cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc là do anh T có tính ghen tuông, cụ thể là sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân, chị đã dọn về nhà mẹ ruột sống thì anh T nhiều lần cầm dao đe dọa giết chị, những lần này đều có người nhà chị ngăn cản, việc này làm ảnh hưởng đến tinh thần chị rất lớn. Anh T thừa nhận việc này nhưng theo anh do vì anh quá thương vợ nên có hành động như vậy, anh hứa sửa đổi và mong muốn vợ chồng đoàn tụ lo cho con cái. Xét thấy, yêu cầu đoàn tụ của anh T

không được chị B đồng ý, giữa chị B, anh T hiện đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, một trong hai bên đã không thiết tha vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B.

[6] Về nuôi con chung: Xét thấy, cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 12/9/2017 hiện do chị B nuôi dưỡng và cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 05/02/2015 do anh T nuôi dưỡng, cháu Thịnh cũng có nguyện vọng là muốn sống với cha; anh T xác định trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Thịnh, đồng ý để chị B nuôi cháu T. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của các cháu, nên căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu T cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Xuân T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi chị B, anh T ly hôn.

[7] Về phần cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc B về việc “Ly hôn” với anh Nguyễn Xuân T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

2. Về quyền nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 12/9/2017; Anh Nguyễn Xuân T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Xuân T, sinh ngày 05/02/2015. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, Tòa án có

thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008448 ngày 19/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Chị B đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thị Ngọc B, anh Nguyễn Xuân T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- UBND thị trấn B;
- THA huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Thúy**